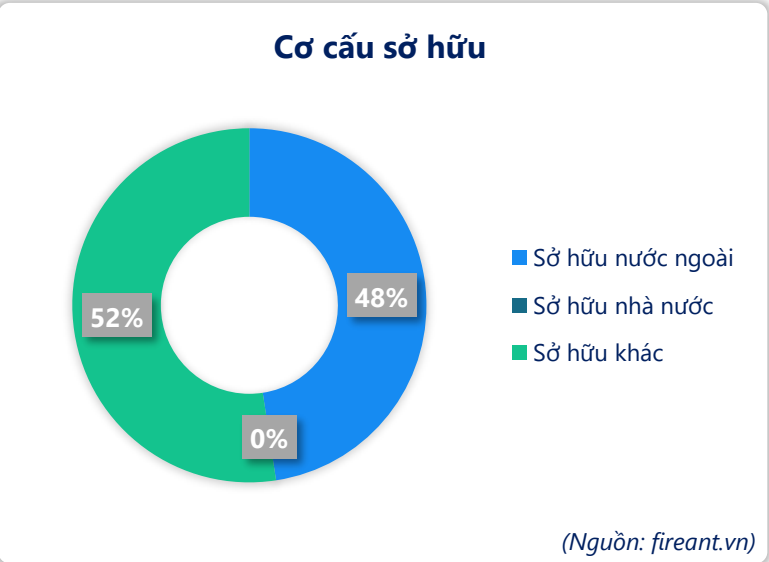
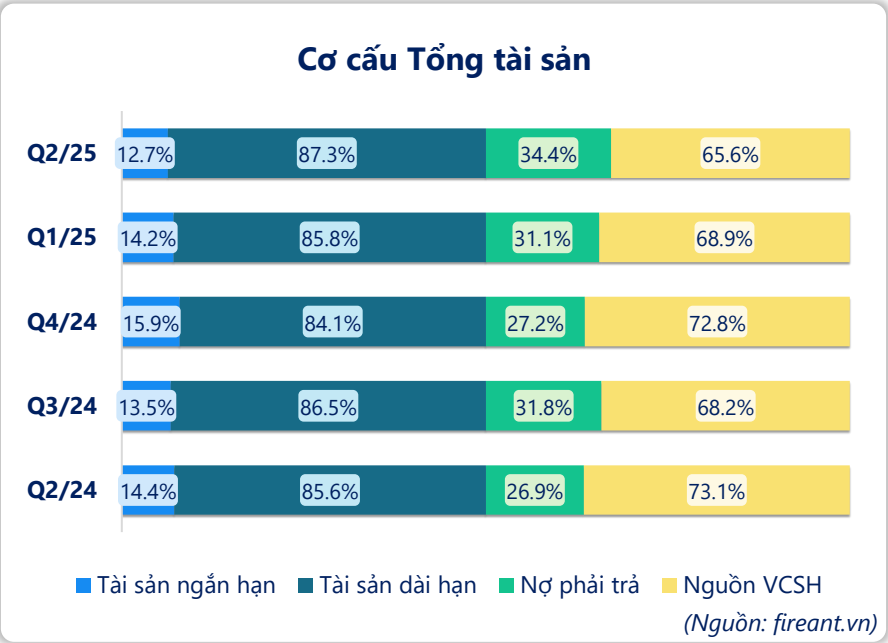
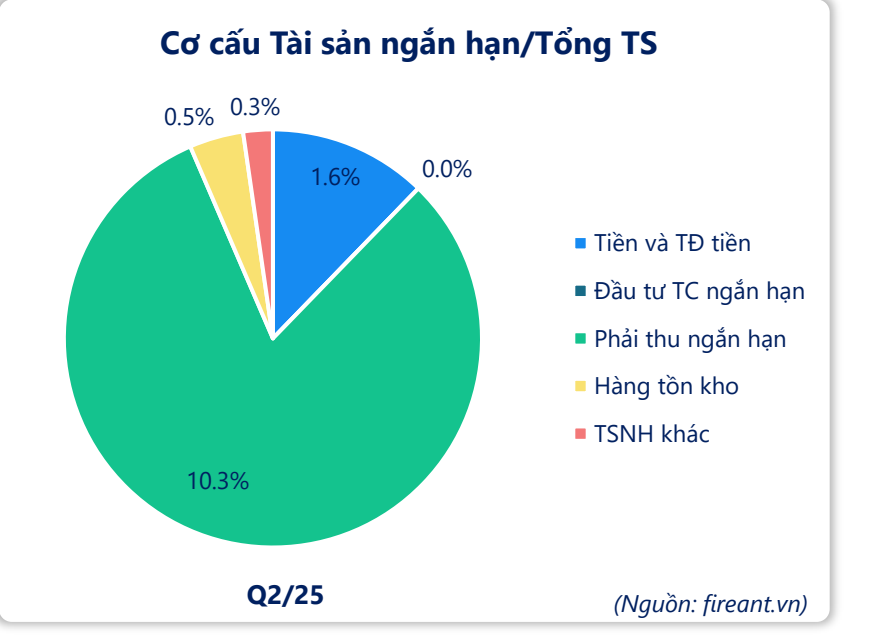
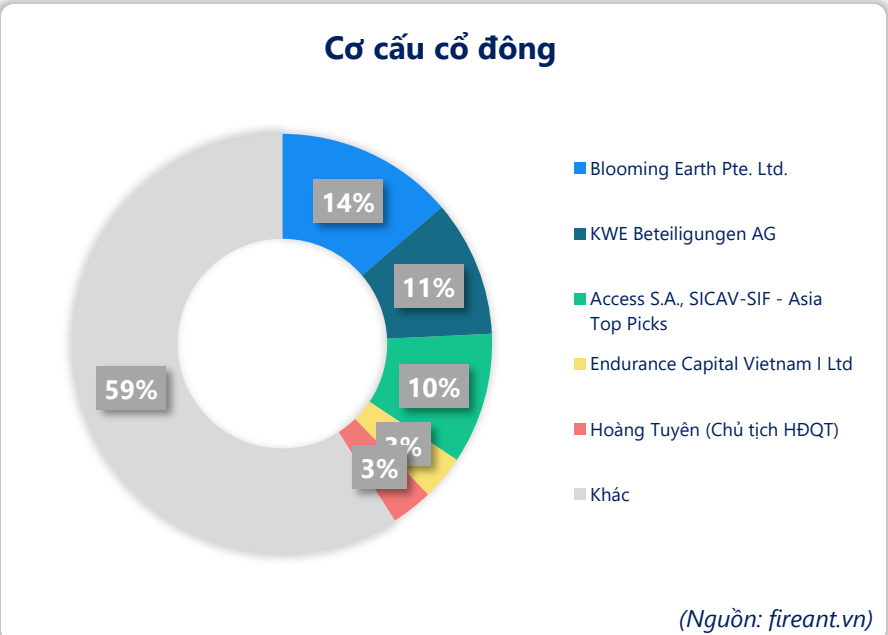
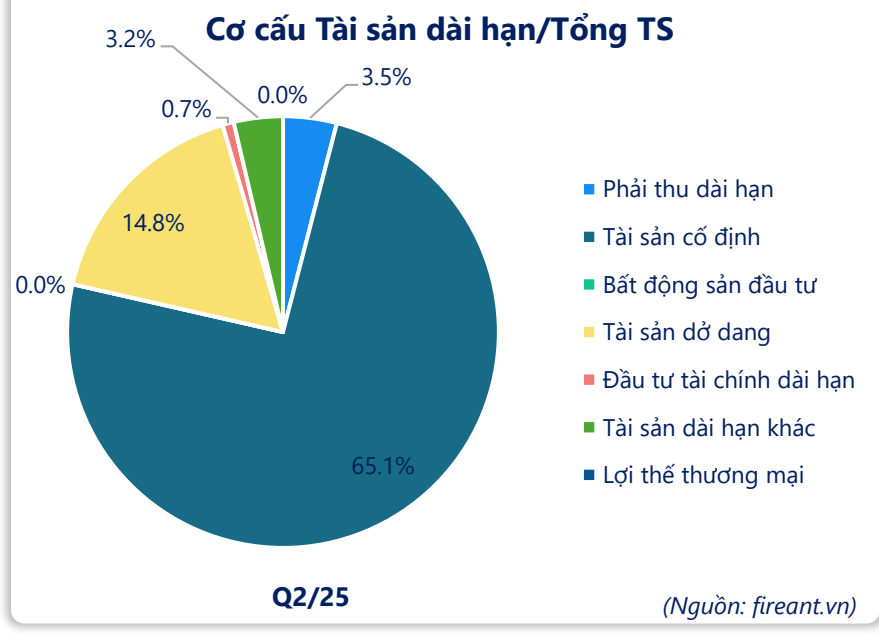
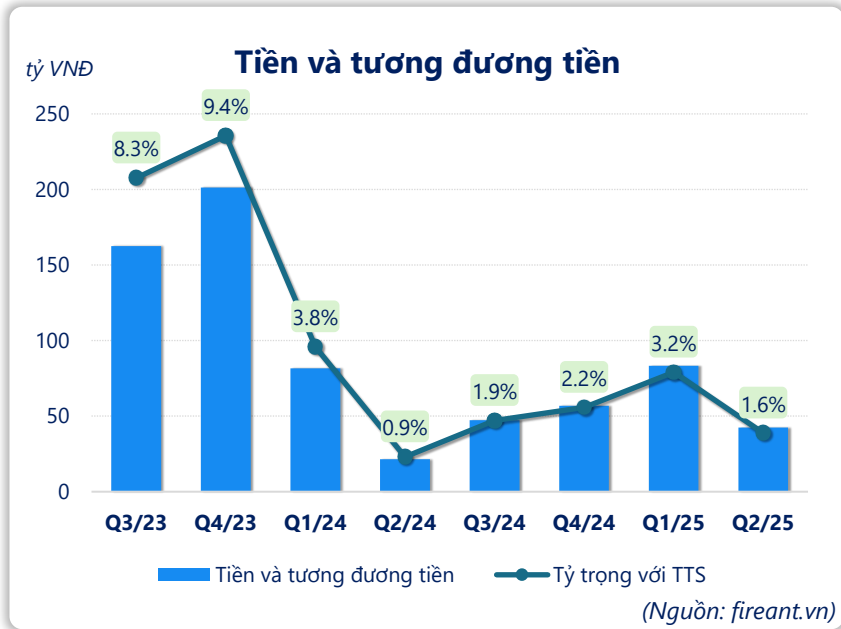
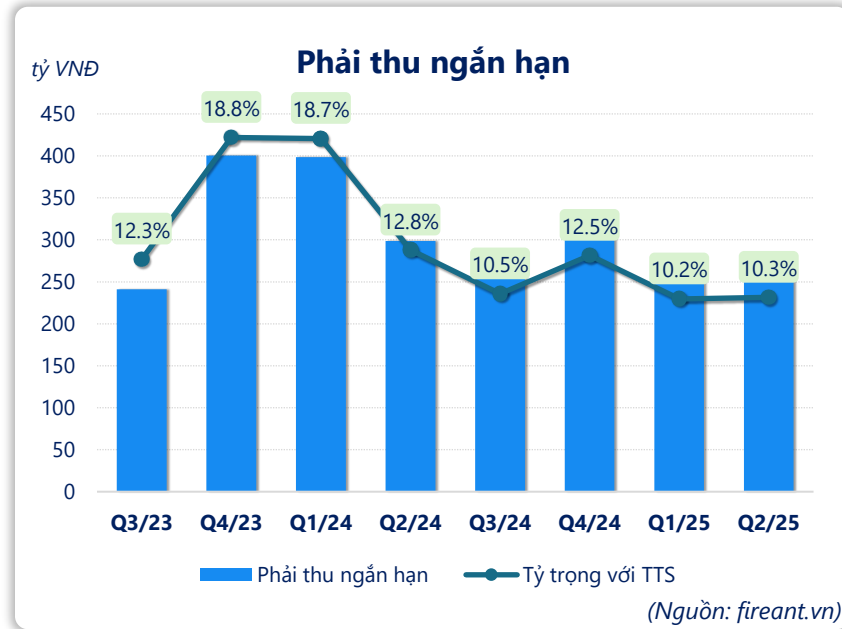
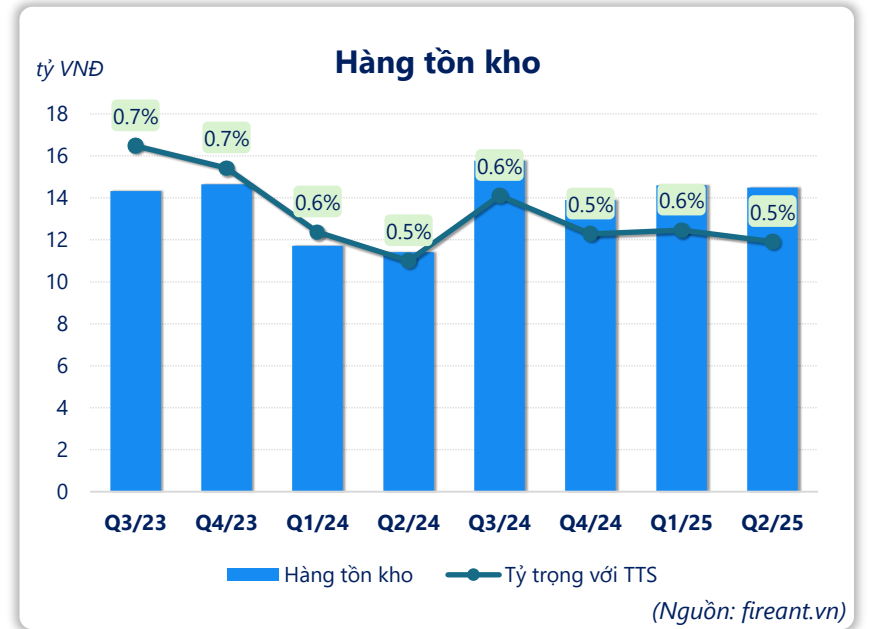
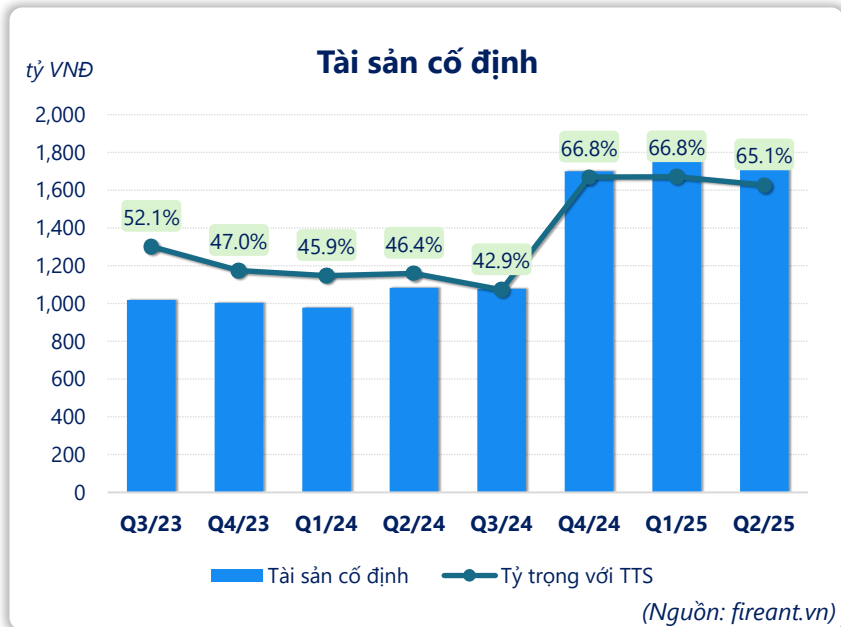
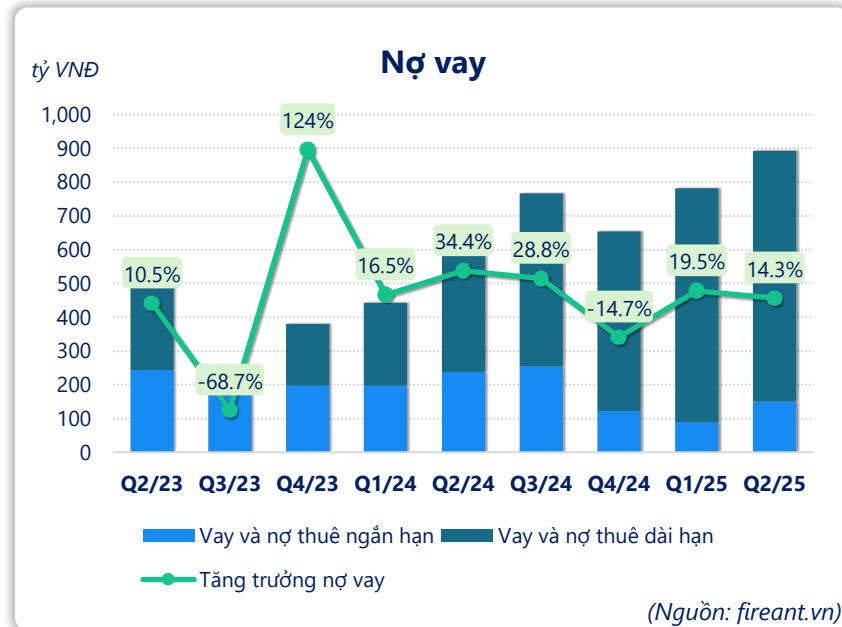
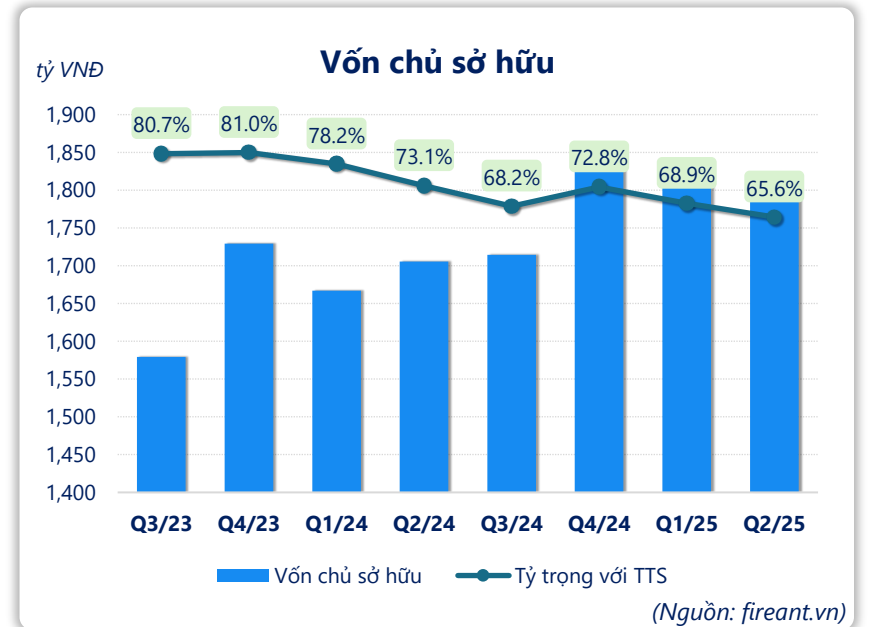
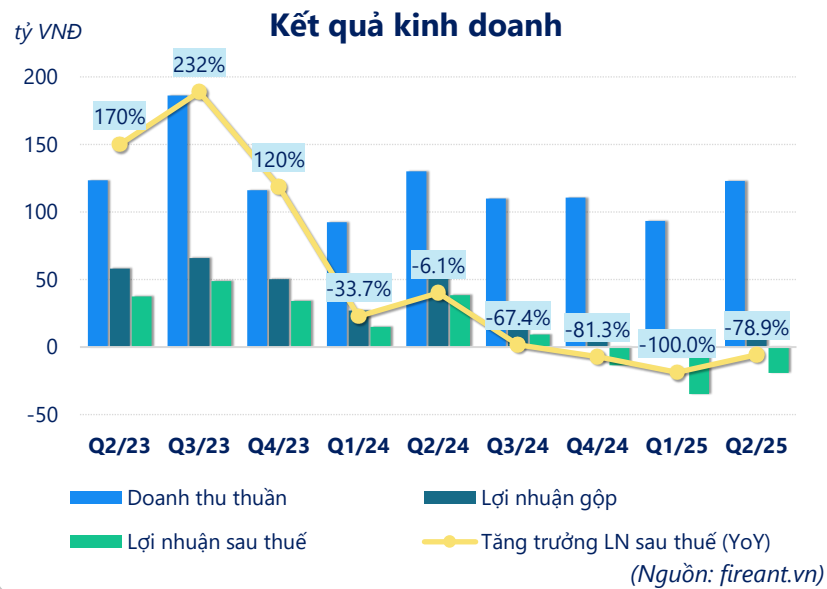
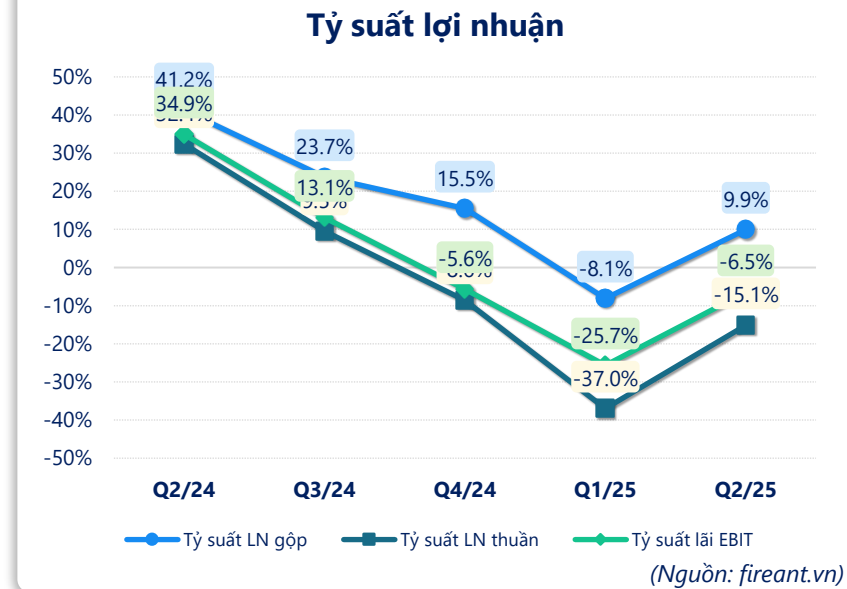
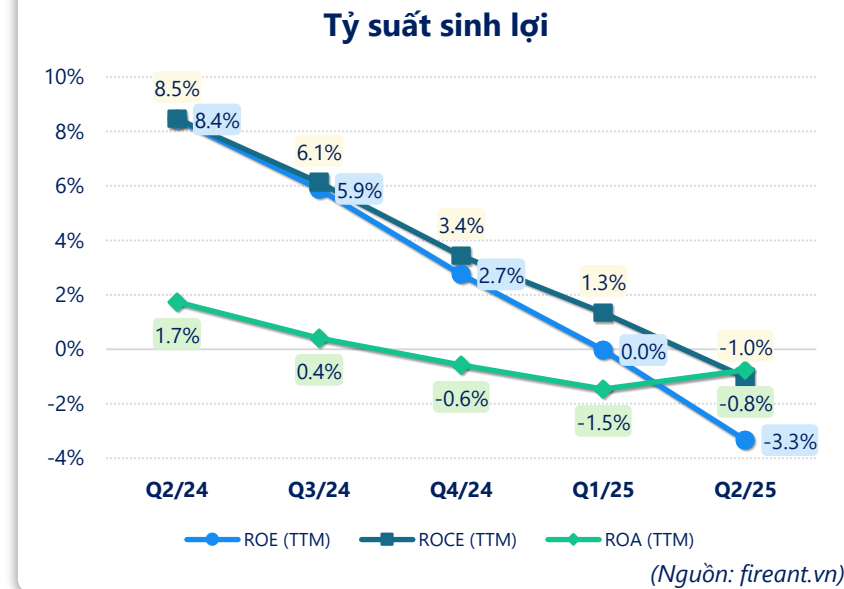
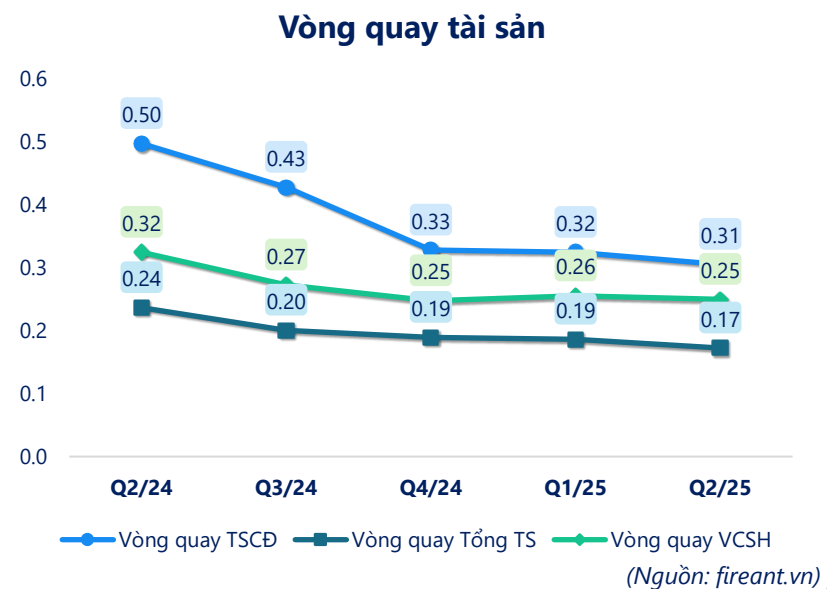
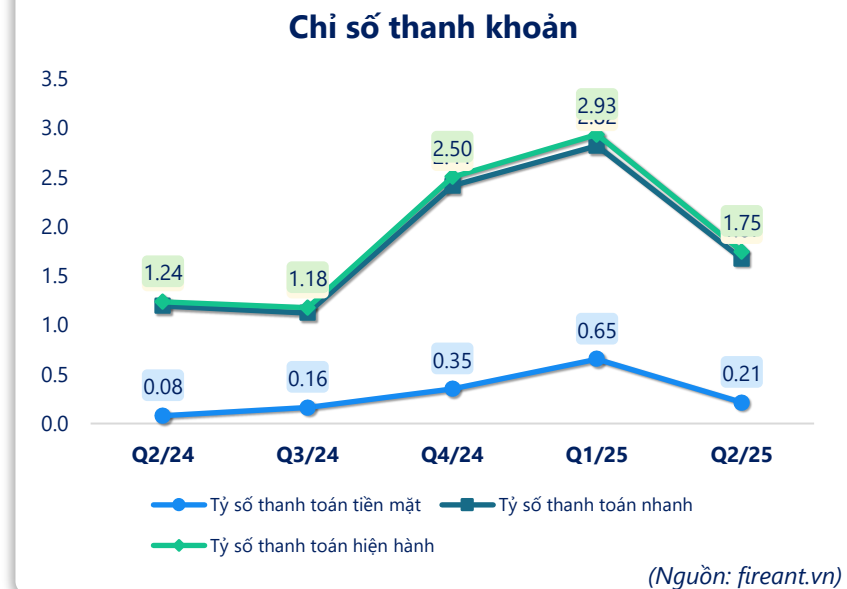
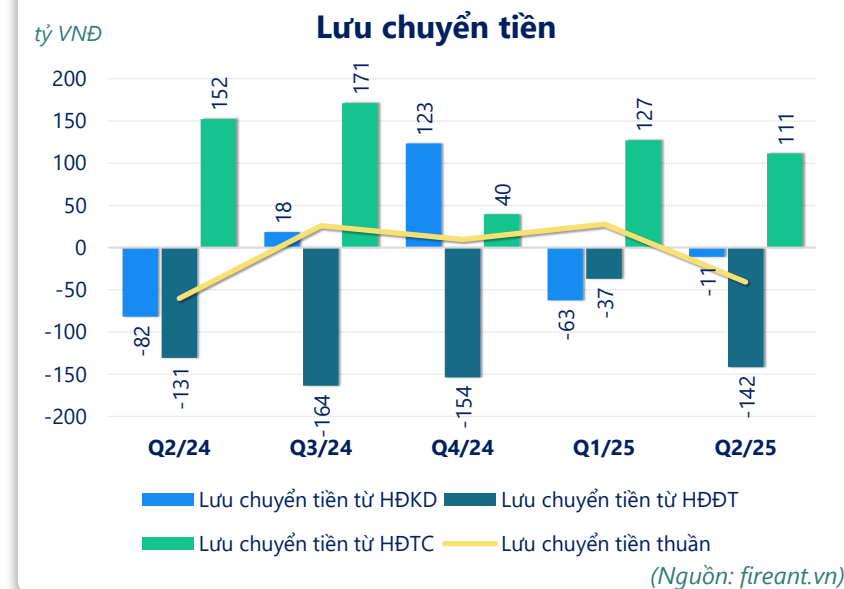


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,098
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,130
SL cổ phiếu LH		144,133,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)		224,355
% sở hữu nước ngoài		47.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,335
P/E		-40.0
EPS		-405

	YTD	1T	3T	6T
TNH	-1.9%	8.6%	2.4%	5.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,735	2,544	7.5%
Tài sản ngắn hạn	346	298	16.2%
Tiền và tương đương tiền	42.4	55.6	-23.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	281	221	27.6%
Hàng tồn kho	14.5	13.9	4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.92	7.97	-0.6%
Tài sản dài hạn	2,389	2,246	6.4%
Phải thu dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản cố định	1,781	1,760	1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	404	288	40.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	87.8	81.9	7.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	941	695	35.3%
Nợ ngắn hạn	198	162	22.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	151	121	24.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.1	24.1	8.3%
Nợ dài hạn	743	533	39.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	743	533	39.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,794	1,849	-3.0%
Vốn chủ sở hữu	1,794	1,849	-3.0%
Vốn điều lệ	1,442	1,442	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	130	110	111	93.4	123
Giá vốn hàng bán	76.4	83.9	93.6	101	111
Lợi nhuận gộp	53.6	26.1	17.1	-7.58	12.2
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.03	0.15	0.54
Chi phí TC	3.83	3.81	6.77	10.8	10.7
Chi phí lãi vay	3.83	3.81	6.77	10.8	10.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.42	0.69	0.80	1.19	1.68
Chi phí QLDN	7.26	11.1	19.1	15.1	19.0
LN thuần từ HĐKD	42.1	10.4	-9.47	-34.5	-18.6
Lợi nhuận khác	-0.51	0.10	-3.54	-0.27	-0.05
LN trước thuế	41.6	10.5	-13.0	-34.8	-18.6
Lợi nhuận sau thuế	38.5	9.19	-13.6	-34.8	-19.3
LNST của CĐ cty mẹ	38.6	9.25	-13.6	-34.8	-19.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-81.8	18.3	123	-62.5	-10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-131	-164	-154	-37.1	-142
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	152	171	39.7	127	111
Tiền đầu kỳ	81.7	21.5	47.3	55.6	83.3
Lưu chuyển tiền thuần	-60.2	25.8	9.46	27.7	-40.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.5	47.3	56.8	83.3	42.4

(Nguồn: fireant.vn)